

Bản án số: 611/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2024

V/v Ly hôn với người mất tích

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Lệ Thu

Bà Lê Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 674/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 300/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp E, xã P, huyện C, tỉnh Long An; (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh T1 - Luật sư Công ty L1 thuộc đoàn luật sư tỉnh L; (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú cuối cùng: 9 đường T, Tổ F, Khu phố D, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/8/2023, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trần Thanh L tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông L có một người con chung là Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 24/4/2015. Cuối năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông L đã bỏ nhà đi, năm 2017 ông L có về nhà một lần sau đó bỏ nhà đi luôn từ đó đến nay. Bà T đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông L mất tích. Tại Quyết định số 268/2023/QĐST-VDS ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố ông Trần Thanh L mất tích. Nay bà Nguyễn Thị Lệ T đề nghị tòa án giải quyết cho được ly hôn với người mất tích là ông Trần Thanh L để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trần Thanh L có một người con chung họ, tên: Trần Thị Tuyết N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24/4/2015. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn ông Trần Thanh L bị tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại Quận G, nên đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của các đương sự:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trần Thanh L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 17/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng chung sống đến năm 2016, ông L đã bỏ nhà đi không trở về, không có tin tức và không liên lạc gì với gia đình. Theo yêu cầu của T, tại quyết định số 268/2023/QĐST-VDS ngày 11/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên bố ông Trần Thanh L mất tích. Cho thấy vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Trần Thanh L có một người con chung họ, tên: Trần Thị Tuyết N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24/4/2015. Bà T yêu cầu nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp, vì con chung đang ở với bà T, ông L thì mất tích, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 ; điểm a Khoản 1 Điều 35 ; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1, điểm b Khoản 2 Điều 227; các Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ T được ly hôn với ông Trần Thanh L. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 100, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 17/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Lệ T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Tuyết N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 24/4/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Lệ T không yêu cầu ông Trần Thanh L cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0037554 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM; (1)
- VKSND Quận 7; (2)
- Chi cục THADS Quận 7 (1)
- Các đương sự; (3)
- UBND phường Tân Thuận (1)
- Tây, Quận 7, TP HCM;
- Lưu VT, Hs...(TK Đức)⁽¹²⁾ (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phơ